

THỰC TRẠNG TÍNH TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC HỌC PHẦN SINH LÝ THỂ DỤC THỂ THAO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Thị Huyền⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 12/07/2026

Ngày phản biện: 23/08/2026

Ngày đăng: 29/09/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Thị Huyền

Email: nguyenhuyenys@gmail.com

Tập 3, số 5 (2026), trang 55-60

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14268>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Thông qua các phương pháp nghiên cứu: tham khảo tài liệu, phương pháp phỏng vấn và toán học thống kê nghiên cứu đã lựa chọn được các tiêu chí đánh giá tính tích cực trong hoạt động dạy và học học phần Sinh lý TDTT. Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy tính tích cực trong hoạt động dạy học môn Sinh lý TDTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh còn hạn chế, thể hiện ở cả việc sinh viên chưa yêu thích môn học, chưa tích cực chủ động trong cả việc chuẩn bị và trong giờ học, GV chưa chủ động tìm hiểu công nghệ, cập nhật những phương tiện, phương pháp giảng dạy tích cực mới vào trong bài giảng.

Từ khóa: Tính tích cực, dạy và học học phần Sinh lý TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Current Status of Active Engagement in Teaching and Learning the Exercise and Sport Physiology Course at Bac Ninh Sports University

Nguyen Thi Huyen⁽¹⁾

Article Information:

Received: 12/07/2026

Review date: 23/08/2026

Published: 29/09/2026

Corresponding Author:

Nguyen Thi Huyen

Email: nguyenhuyenys@gmail.com

Vol 3, Issue 5 (2026), pp 55-60

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14268>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

Through a literature review, interviews, and statistical analysis, the study selected criteria for assessing active engagement in teaching and learning the Exercise and Sport Physiology course. The assessment results indicated that active engagement in the course at Bac Ninh Sports University remained limited. Students showed insufficient interest in the subject and were not adequately proactive either in lesson preparation or during class. Lecturers were also not sufficiently proactive in exploring technology or incorporating updated instructional resources and active-learning methods into their teaching.

Keywords: active engagement; teaching and learning; Exercise and Sport Physiology; Bac Ninh Sports University.

⁽¹⁾ThS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tích tích cực là nền tảng của sự phát triển cá nhân, bao gồm những yếu tố tâm lý cơ bản như lòng nhiệt huyết, lòng đam mê, lòng tự tin, và ý chí mạnh mẽ. Đây là những yếu tố quan trọng giúp người học vượt qua các thách thức và khó khăn, mang lại thành công trong học tập. Tính tích cực thể hiện trong mọi khâu của hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên, từ hoạt động trước khi đến lớp, trong lớp học, sau giờ học, hoạt động thực hành thực tập và cả các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên, để sinh viên có tính tích cực thì vai trò của người giáo viên là vô cùng quan trọng, giáo viên vừa phải là người hướng dẫn sinh viên học, đồng thời là người truyền cảm hứng cho sinh viên có thái độ tích cực trong quá trình học.

Sinh lý TDDT là môn học cơ sở ngành quan trọng trong chương trình đào tạo bậc đại học, trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm chức năng sinh lý của cơ thể người và qui luật, cơ chế của những biến đổi trong cơ thể khi tham gia hoạt động TDDT, qua đó hình thành niềm tin, tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên trong tương lai. Nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học môn học Sinh lý TDDT, việc đánh giá đúng thực trạng tính tích cực trong hoạt động dạy và học là vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn trong việc tạo cơ sở khoa học trong lựa chọn các giải pháp tác động.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp tham khảo tài liệu, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

Quy trình nghiên cứu được thiết kế theo 3 giai đoạn (GD):

GD 1 - Nghiên cứu cơ sở lý luận: tham khảo tài liệu, xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu, xây dựng và phỏng vấn chuyên gia hoàn thành mẫu phiếu và bảng câu hỏi phỏng vấn.

GD 2 - Nghiên cứu thực tiễn: thử nghiệm, điều chỉnh và hoàn chỉnh phiếu khảo sát, khảo sát thực tiễn kết hợp phỏng vấn sâu.

GD 3 - Xử lý, đo lường, đánh giá: lập và xử lý dữ liệu bằng SPSS, đưa ra kết luận và khuyến nghị.

Mẫu khảo sát gồm: 25 chuyên gia, các nhà khoa học và các giảng viên Trường Đại học

TDDT Bắc Ninh để lựa chọn tiêu chí đánh giá; 50 sinh viên khoa GDTC khoá 54 đã từng học môn Sinh lý TDDT và 4 giảng viên tham gia học tập học phần Sinh lý TDDT.

Thời điểm nghiên cứu: Tháng 11 năm 2020

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Nghiên cứu lựa chọn tiêu chí đánh giá tính tích cực trong hoạt động dạy và học học phần Sinh lý TDDT tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh

Để xác định được những tiêu chí đánh giá tính tích cực trong dạy và học học phần Sinh lý TDDT của sinh viên và giáo viên, đề tài đã tiến hành tham khảo tài liệu và đề xuất 02 bộ tiêu chí phản ánh tính tích cực, độc lập dành cho 2 đối tượng là sinh viên và giáo viên. Nhằm đảm bảo tính khách quan và khoa học, từ kết quả thu được qua tham khảo tài liệu, đề tài tiến hành phỏng vấn 25 chuyên gia để lựa chọn tiêu chí. Phỏng vấn được đánh giá theo 2 mức: đồng ý và không đồng ý với nguyên tắc lựa chọn các tiêu chí đạt từ 80% đồng ý trở lên.

Kết quả lựa chọn: Từ 13 tiêu chí đánh giá tính tích cực trong học tập của sinh viên được đề xuất, có 12 tiêu chí đạt yêu cầu, được lựa chọn. Các tiêu chí được phân theo 3 nhóm, tương ứng với các thời điểm của hoạt động học tập (bảng 1); Từ 12 tiêu chí đánh giá tính tích cực trong giảng dạy của giáo viên được đề xuất, có 10 tiêu chí đạt yêu cầu, được lựa chọn (bảng 2).

Kết quả nghiên cứu đã cho phép sử dụng 02 bộ tiêu chí để đánh giá tính tích cực trong hoạt động dạy và học học phần Sinh lý TDDT tại Trường ĐH TDDT Bắc Ninh.

2. Thực trạng tính tích cực trong hoạt động dạy và học học phần Sinh lý TDDT tại Trường ĐH TDDT Bắc Ninh

2.1. Thực trạng tính tích cực trong hoạt động học tập học phần Sinh lý TDDT của sinh viên Trường ĐH TDDT Bắc Ninh

Để tìm hiểu thực trạng tính tích cực nhận thức học tập của sinh viên đối với học phần Sinh lý TDDT, đề tài đã tiến hành phỏng vấn 50 sinh viên và 04 giảng viên trực tiếp giảng dạy môn Sinh lý TDDT về thái độ và biểu hiện của sinh viên trước và trong giờ học chính khoá và sau giờ học. Phỏng vấn được đánh giá theo thang đo Likert ở 03 mức, kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng tính tích cực của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong học tập học phần Sinh lý TDTT

TT	Tiêu chí	Kết quả phỏng vấn				
		Sinh viên (n=50)		Giảng viên (n=4)		
		m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %	
Đánh giá sự chuẩn bị trước giờ học						
1	Tự học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp	Thường xuyên	19	38	1	25
		Thỉnh thoảng	23	46	2	50
		Không bao giờ	8	16	1	25
2	Chủ động tìm tài liệu và bổ sung kiến thức liên quan đến môn học	Thường xuyên	15	30	0	0
		Thỉnh thoảng	30	60	3	75
		Không bao giờ	5	10	1	25
Đánh giá việc học tập trong lớp						
3	Tập trung chú ý nghe giảng	Thường xuyên	35	70	1	25
		Thỉnh thoảng	15	30	3	75
		Không bao giờ	0	0	0	0
4	Làm việc riêng trong giờ học	Thường xuyên	2	4	2	50
		Thỉnh thoảng	26	52	2	50
		Không bao giờ	22	44	0	0
5	Hăng hái phát biểu ý kiến	Thường xuyên	14	28	1	25
		Thỉnh thoảng	34	68	3	75
		Không bao giờ	2	4	0	0
6	Chủ động hỏi giáo viên những vấn đề chưa hiểu	Thường xuyên	9	18	1	25
		Thỉnh thoảng	37	74	3	75
		Không bao giờ	4	8	0	0
7	Suy nghĩ trả lời câu hỏi của giáo viên và đưa ra kết luận riêng của mình	Thường xuyên	26	52	1	25
		Thỉnh thoảng	22	44	3	75
		Không bao giờ	2	4	0	0
8	Giúp đỡ bạn bè hiểu nội dung liên quan đến môn học	Thường xuyên	21	42	0	0
		Thỉnh thoảng	25	50	4	100
		Không bao giờ	4	8	0	0
Đánh giá việc học tập sau/ ngoài giờ học						
9	Tự giác tham khảo tài liệu, đối chiếu với nội dung học tập, tìm sự khác biệt giữa chúng	Thường xuyên	18	36	1	25
		Thỉnh thoảng	26	52	1	25
		Không bao giờ	6	12	2	50
10	Nghiên cứu ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế	Thường xuyên	19	38	1	25
		Thỉnh thoảng	27	54	3	75
		Không bao giờ	4	8	0	0
11	Tích cực học ngoại ngữ để đọc sách chuyên môn	Thường xuyên	9	18	0	0
		Thỉnh thoảng	26	52	2	50
		Không bao giờ	15	30	2	50
12	Tham gia hội thảo chuyên đề về sinh lý TDDT	Thường xuyên	7	14	1	25
		Thỉnh thoảng	14	28	1	25
		Không bao giờ	29	58	2	50

Từ kết quả ở bảng 1, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

Ở các tiêu chí phản ánh tính tích cực trước giờ học như “Tự học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp” và đặc biệt là tiêu chí “Chủ động tìm tài liệu và bổ sung kiến thức liên quan đến môn học” có sự đánh giá khác biệt giữa GV và SV. Cụ thể, có tới 30% số SV được phỏng vấn chọn mức thường xuyên chủ động thì GV cho rằng không có SV nào “Chủ động tìm tài liệu và bổ sung kiến thức liên quan đến môn học” và 70% thỉnh thoảng. Thực chất để GV đánh giá đúng vấn đề này không dễ trong bối cảnh các kênh và nguồn thông tin hiện nay rất đa dạng và GV không kiểm soát toàn thời gian sinh hoạt của SV, vì vậy hãy tin ở sự trả lời trung thực từ phía SV, đồng thời GV cần có biện pháp theo dõi đánh giá cụ thể và sát thực hơn việc chuẩn bị trước giờ học của SV.

Ở các tiêu chí “Trong lớp chú ý nghe giảng” và “Hăng hái phát biểu ý kiến”, kết quả phỏng vấn từ SV và GV cho thấy có sự đánh giá khá tương đồng, trong đó mức thường xuyên chú ý nghe giảng không cao, chỉ từ 25-30% và không có SV không bao giờ nghe giảng. Tuy vậy, với tỷ lệ “thỉnh thoảng” còn rất cao đã thể hiện rõ sự thiếu tích cực trong học tập của hầu hết SV.

Ở tiêu chí “Làm việc riêng trong giờ học” thì SV trả lời là thỉnh thoảng có chiếm tới 52.0%, 4% thường xuyên và 44% là không bao giờ làm việc riêng. Còn GV thì cho rằng SV thường xuyên và thỉnh thoảng làm việc riêng đều ở mức là 50%. Kết quả này cho thấy hiện tượng làm việc riêng trong giờ học là có với tỷ lệ không nhỏ. Nguyên nhân mà chúng tôi dự đoán có thể là do SV không nhận thấy được tầm quan trọng của môn học, hoặc phương pháp tổ chức, quản lý lớp của các thầy cô chưa tốt.

Tiếp theo, ở các tiêu chí “Hăng hái phát biểu ý kiến” và “Chủ động hỏi giáo viên những vấn đề chưa hiểu” thì hầu hết SV và GV đều cho rằng chỉ đạt mức “thỉnh thoảng” (SV chiếm 68% và GV chiếm 75%) đã phản ánh sự thờ ơ với môn học của một bộ phận SV. Đây là những biểu hiện rất rõ ràng của tính tích cực trong giờ học. Tuy nhiên, để SV tích cực một cách thường xuyên là điều không hề dễ dàng, đòi hỏi nội dung giảng dạy phải hay, sát với thực tiễn công

việc của SV, đồng thời GV cũng phải rất tích cực đưa ra các câu hỏi thảo luận hoặc phương pháp giảng dạy hiệu quả, tạo điều kiện cho SV phát biểu ý kiến. Kết quả này cho thấy, GV cần có sự thay đổi nhằm giúp SV tích cực tham gia vào việc đóng góp ý kiến cho giờ học hơn nữa.

Tiếp theo, ở các tiêu chí “Suy nghĩ trả lời câu hỏi của giáo viên và đưa ra kết luận riêng của mình” hay “Giúp đỡ bạn bè hiểu nội dung liên quan đến môn học” thì có sự đánh giá khác biệt giữa GV và SV. Trong khi 44-50% SV cho rằng đạt mức thường xuyên thì GV chỉ đánh giá ở mức này chỉ đạt 0-25%. Có thể sự khác biệt này xuất phát từ nhận định mang tính chủ quan của GV do các câu trả lời còn thiếu chuẩn xác của SV và những sự giúp đỡ không rõ ràng do câu hỏi và cách tổ chức của GV không theo hướng thảo luận đã hạn chế sự tích cực, chủ động tham gia của SV.

Các tiêu chí đánh giá việc học tập sau/ ngoài giờ học như “Tự giác tham khảo tài liệu. Đối chiếu nội dung trong các tài liệu học tập, tìm sự khác biệt giữa chúng”, “Nghiên cứu ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế” “Tích cực học ngoại ngữ để đọc sách chuyên môn” hay “Tham gia hội thảo chuyên đề về Sinh lý TĐTT” cho thấy có sự đánh giá khác biệt nhất định giữa GV và SV. Song một điểm chung là cả GV và SV đều cho rằng SV mới chỉ thể hiện tính tích cực qua các tiêu chí này ở mức thỉnh thoảng, đặc biệt mức không bao giờ còn khá cao. Điều này cho thấy tính tích cực trong học tập của sinh viên chưa bền vững, chưa phát huy được hiệu quả cao trong thực tiễn, cần có giải pháp tác động tích cực thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học.

2.2. Thực trạng tính tích cực trong hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần Sinh lý TĐTT, Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh

Nhằm đánh giá tính tích cực của các giảng viên giảng dạy môn Sinh lý TĐTT, đề tài tiến hành phỏng vấn 50 SV và 4 giảng viên dạy môn học này dựa trên 10 tiêu chí đã lựa chọn. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Khi đánh giá về tính tích cực của các giảng viên bằng 10 tiêu chí đã lựa chọn, kết quả phỏng vấn cả đối tượng là GV và SV được trình bày ở bảng 2 cho thấy:

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng tích cực trong hoạt động dạy học của giảng viên môn học Sinh lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí		Kết quả phỏng vấn			
			Sinh viên (n=50)		Giảng viên (n=4)	
			m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %
1	Theo dõi, đánh giá việc làm của SV và cho phản hồi trong quá trình học	Thường xuyên	40	80	3	75
		Thỉnh thoảng	9	18	1	25
		Không bao giờ	1	2	0	0
2	Động viên SV hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Thường xuyên	39	78	4	100
		Thỉnh thoảng	10	20	0	0
		Không bao giờ	1	2	0	0
3	Tư vấn phương pháp học tập và hướng nghiệp cho SV	Thường xuyên	38	76	1	25
		Thỉnh thoảng	11	22	3	75
		Không bao giờ	1	2	0	0
4	Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hướng dẫn SV tham gia	Thường xuyên	21	42	0	0
		Thỉnh thoảng	25	50	3	75
		Không bao giờ	4	8	1	25
5	Hướng dẫn, chỉ bảo SV về lối sống lành mạnh, khoa học	Thường xuyên	42	84	1	25
		Thỉnh thoảng	8	16	3	75
		Không bao giờ	0	0	0	0
6	Tạo dựng các mối quan hệ lành mạnh, thân thiết với SV	Thường xuyên	36	72	3	75
		Thỉnh thoảng	12	24	1	25
		Không bao giờ	2	4	0	0
7	Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ SV về chất lượng giảng dạy	Thường xuyên	35	70	2	50
		Thỉnh thoảng	13	26	2	50
		Không bao giờ	2	4	0	0
8	Sử dụng các công nghệ giáo dục mới vào giảng dạy	Thường xuyên	31	62	1	25
		Thỉnh thoảng	17	34	3	75
		Không bao giờ	2	4	0	0
9	Vận dụng, sáng tạo nội dung học và phương pháp giảng dạy mới phù hợp với thực tiễn	Thường xuyên	33	66	2	50
		Thỉnh thoảng	15	30	2	50
		Không bao giờ	2	4	0	0
10	Là tấm gương mẫu mực, chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường	Thường xuyên	40	80	3	75
		Thỉnh thoảng	9	18	1	25
		Không bao giờ	1	2	0	0



Sinh lý học TDTT là môn học bắt buộc trong đào tạo cử nhân ngành TDTT

Nhìn chung sự đánh giá là tích cực và có nhiều sự tương đồng giữa SV và GV.

Kết quả đánh giá của SV đều cho thấy, ý kiến phản hồi rất tốt về tính tích cực của các GV trong hoạt động giảng dạy. 9/10 tiêu chí đều nhận được ít nhất từ 62% đến 80% SV đánh giá GV thường xuyên thực hiện, ngoại trừ duy nhất tiêu chí “Tổ chức các hội thảo, chuyên đề hướng dẫn học tập cho SV” (SV đánh giá mức độ thường xuyên chỉ là 42%). Song cũng ở tiêu chí này, khi phỏng vấn GV thì cũng cho kết quả về mức độ thường xuyên là 0% và 75% là thỉnh thoảng. Điều này, có thể nguyên nhân là do GV chưa sắp xếp được thời gian hợp lý để tiến hành hướng dẫn học tập ngoài giờ cho sinh viên. Bên cạnh đó, các tiêu chí số 8 và số 9 có tỉ lệ bình chọn của SV về mức độ thường xuyên dưới là 70%. Cũng ở hai tiêu chí này, khi phỏng vấn GV thì cũng cho kết quả về mức độ thường xuyên rất thấp (25% và 50%). Điều này, có thể nguyên nhân là do GV chưa chủ động tự tìm hiểu công nghệ, phương pháp giảng dạy mới hoặc còn trông chờ nhà trường có những chương trình hội thảo, bồi dưỡng, cập nhật những phương tiện, phương pháp mới cho các GV.

KẾT LUẬN

Đề tài đã lựa chọn được 12 tiêu chí để đánh giá tính tích cực trong hoạt động học của SV và 10 tiêu chí để đánh giá tính tích cực trong hoạt động dạy của GV.

Nghiên cứu về thực trạng tính tích cực học tập của SV nhận thấy, hầu hết SV đã có sự quan tâm tới học phần Sinh lý TDTT, tuy nhiên sự tích cực trong học tập còn hạn chế và thiếu tính bền vững. Điều này được thể hiện rõ và tương đối đồng nhất qua kết quả phỏng vấn ở tất cả các tiêu chí của cả SV và GV.

Thực trạng tính tích cực trong hoạt động giảng dạy của GV cho thấy ý kiến phản hồi rất tốt về tính tích cực của các GV giảng dạy học phần Sinh lý TDTT. Tuy vậy, tiêu chí “Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hướng dẫn SV tham gia” vẫn còn nhận kết quả đánh giá chưa cao về tính tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như An. (1990). *Phương pháp dạy học giáo dục học* (Tập 1). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Babanxki, Iu. K. (1981). *Tối ưu hoá quá trình dạy học*. Cục Đào tạo và Bồi dưỡng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Nguyễn Ngọc Bảo. (1996). *Phát triển tính tích cực tự lực của học sinh trong quá trình dạy học*. Trong Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên phổ thông trung học. Vụ Giáo viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Nguyễn Toán, & Phạm Danh Tốn. (1993). *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*. Nxb TDTT, Hà Nội.